

Bản án số: 20/2019/DS – PT
Ngày: 26-4-2019
V/v : Tranh chấp HĐ vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thông;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thuyên;
Bà Bùi Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thúy Hào – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27/3/2019 và ngày 26/4/2019, tại trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2019/TLPT-DS ngày 07 tháng 01 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2018/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T– Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông;

- Bị đơn: Anh Ngô Văn D– Có mặt.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông;

Chỗ ở hiện nay: Số a, đường Nb, khu phố a, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Võ Cao T – Luật sư – Văn phòng luật sư T, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Nông – vắng mặt có bản luận cứ lưu hồ sơ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Ngô Thị N (vợ ông T) - Có mặt;

Chị Dương Thị X (vợ anh Duy) – Có đơn xin vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông

Người kháng cáo: Bị đơn anh Ngô Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 12-4-2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan bà Ngô Thị N trình bày:

Vào ngày 05-02-2014, ông bà có cho anh Ngô Văn D vay 01 cây vàng miếng SJC, đến ngày 28-3-2015, tiếp tục cho anh D vay thêm 01 cây vàng miếng SJC, tổng cộng là 02 cây vàng. Do anh D là cháu gọi bà N bằng cô nên hai bên không viết giấy tờ gì và không thỏa thuận thời hạn trả, lãi suất thỏa thuận miệng là 250.000 đồng/01 cây vàng/tháng. Anh D đã trả tiền lãi được hết tháng 02/2017 (DL) với số tiền 6.500.000 đồng, số vàng gốc anh D hẹn đến cuối năm 2017 sẽ trả. Ông bà yêu cầu anh D làm giấy tờ vay vàng thì anh D, chị X bảo không cần làm giấy tờ. Đến tháng 12 năm 2017, ông T đến nhà anh D để lấy nợ thì vợ chồng anh D chửi, đuổi ông về và nói giấy tờ đâu, bằng chứng đâu và không chịu trả, ông có ghi âm lại cuộc nói chuyện giữa ông T và vợ chồng anh D khi ông đến đòi nợ. Do đó, ông làm đơn khởi kiện yêu cầu tòa án buộc anh D và chị X phải trả cho vợ chồng ông 02 cây vàng miếng SJC, không yêu cầu trả lãi suất.

Bị đơn anh Ngô Văn D trình bày:

Vào năm 2014 – 2015 anh không vay vàng của ông T, bà N, nên không có việc trả tiền lãi 6.500.000đ cho ông T. Nay ông T khởi kiện yêu cầu ông phải trả 02 cây vàng miếng SJC là không có căn cứ, ông không chấp nhận trả nợ.

Tuy nhiên, tại biên bản hoà giải ngày 20/8/2018 (BL 33, 34) anh D, chị X thừa nhận khoảng 05 đến 06 năm trước (khoảng năm 2012 – 2013) anh D có vay của ông T, bà N 02 cây vàng miếng SJC, hai bên không viết giấy tờ vay, không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả nợ. Đến năm 2017, anh D mang 02 cây vàng miếng SJC và gặp ông T ngoài đường trước nhà ông T và trả nợ cho ông, ông nói “cảm ơn”, khi trả không viết giấy tờ gì cả. Số vàng anh D vay của ông T (02 cây) về đầu tư vào rẫy, mua trụ tiêu, chăm sóc tiêu và sinh hoạt trong gia đình. Vợ anh không cùng đi vay nhưng anh có nói cho vợ việc vay mượn này và vợ đồng ý việc vay mượn vàng của anh.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh D cho rằng lý do anh thừa nhận việc có vay vàng của ông T, bà N là do bị ông T, bà N khủng bố, đe dọa nên anh phải thừa nhận, thực tế anh không có vay vàng của ông T, bà N, nên anh không chấp nhận trả. Đối với đĩa ghi âm do ông T cung cấp thì anh D, chị X không thừa nhận lời nói của mình trong đĩa ghi âm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị X nhất trí với ý kiến của anh Ngô Văn D (chồng chị) đã trình bày ở trên không bổ sung gì thêm.

Tại bản án sơ thẩm số: 08/2018/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với anh Ngô Văn D. Buộc anh Ngô Văn D và chị Dương Thị X phải trả cho ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị N 02 cây vàng miếng SJC (9999).

Ngoài ra Toà án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09-11-2018, anh Ngô Văn D, chị Dương Thị X có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Ngô Văn D, chị Dương Thị X, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh D, chị X phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét yêu cầu kháng cáo của anh Ngô Văn D và chị Dương Thị X căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy, thời điểm khởi kiện, ông T không cung cấp được chứng cứ cho anh D vay 02 cây vàng SJC, ông chỉ cung cấp cho Toà án 01 đĩa CD – R80 ghi âm lại việc khất nợ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết, tại biên bản hoà giải ngày 20/8/2018, anh D, chị X thừa nhận khoảng 05 đến 06 năm trước (khoảng 2012 – 2013) anh D có vay của ông T, bà N 02 cây vàng miếng SJC, hai bên không viết giấy tờ vay, không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả nợ. Đến năm 2017, anh D mang 02 cây vàng miếng SJC và gặp ông T ngoài đường trước nhà ông T và trả nợ cho ông, ông nói “cảm ơn”, khi trả không viết giấy tờ gì cả. Số vàng anh D vay của ông T (02 cây) về đầu tư vào rẫy, mua trụ tiêu, chăm sóc tiêu và sinh hoạt trong gia đình. Vợ anh không cùng đi vay nhưng anh có nói cho vợ biết việc vay mượn này và vợ đồng ý. Chị X cũng thống nhất với lời trình bày trên của anh D về việc vay nợ hai cây vàng của ông T để đầu tư vào rẫy nương và sinh hoạt chung cho gia đình (BL 33, 34). Do đó, Toà án cấp sơ thẩm xác định lời khai của anh D, chị X là chứng cứ để giải quyết vụ án là có căn cứ theo quy định

tại khoản 5 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do anh D, chị X thừa nhận có việc vay 02 cây vàng SJC của ông T, nên ông T không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, anh D không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh anh đã trả 02 cây vàng SJC cho ông T, bà N, do đó Toà án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Buộc anh D, chị X phải trả cho ông T, bà N 02 cây vàng SJC là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[3]. Anh D cho rằng lý do anh chị thừa nhận có vay 02 cây vàng SJC của ông T, bà N là do bị gia đình ông T đe dọa, khủng bố nhiều lần, nên buộc anh chị phải nhận khoản nợ không có để yên ổn làm ăn. Tại phiên toà sơ thẩm, trước sự chứng kiến của nhiều người và có đủ bình tĩnh để khẳng định không có vay mượn của ông T bất cứ khoản nào. Xét thấy, quá trình giải quyết anh D không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh đã bị gia đình ông T đe dọa, khủng bố ép anh phải nhận nợ. Tại phiên toà phúc thẩm, anh D xác định tại buổi làm việc ngày 20/8/2018 (BL 33, 34) anh là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, lời khai của anh là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay đe dọa gì cả. Mặt khác, tại phiên toà sơ thẩm, chị X hoàn toàn đồng ý với lời trình bày của anh D tại biên bản hoà giải lần II ngày 20/8/2018 về việc vợ chồng chị có vay 02 cây vàng miếng SJC của ông T, bà N để đầu tư vào rẫy và sinh hoạt chung trong gia đình, thời gian anh D vay không nhớ rõ nhưng chúng tôi đã trả vàng cho ông T rồi, khi trả vàng không viết giấy tờ, anh D là người đi trả nợ (BL 65). Như vậy, lời khai của chị X là phù hợp với lời khai của anh D thể hiện tại biên bản hoà giải ngày 20/8/2018, nên anh D cho rằng lý do nhận nợ là do gia đình ông T đe dọa, khủng bố là không có căn cứ.

[4]. Đối với 01 đĩa CD – R80 ghi âm lại việc khất nợ do ông T cung cấp, nhưng tại thời điểm cung cấp, ông T không xuất trình được văn bản trình bày về xuất xứ của tài liệu ông tự thu âm theo quy định tại khoản 2 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết, anh D, chị X không thừa nhận giọng nói của mình trong đĩa CD do ông T cung cấp. Tại phiên toà sơ thẩm, anh D đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên toà để trưng cầu giám định giọng nói trong đĩa CD nhưng không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại phiên toà phúc thẩm ngày 27/3/2019, anh D đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tạm ngừng phiên toà để trưng cầu giám định giọng nói của anh trong đĩa CD, Hội đồng xét xử đã căn cứ khoản 1 Điều 259 và Điều 304 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định tạm ngừng phiên toà. Tuy nhiên, tại biên bản làm việc ngày 26/4/2019, anh D không yêu cầu Toà án phải trưng cầu giám định nữa và đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không căn cứ vào nội dung của đĩa CD do ông Thanh cung cấp để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[5]. Từ phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Ngô Văn D và chị Dương Thị X, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 08/2018/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

[6]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên toà là có căn cứ chấp nhận.

[7]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Ngô Văn D và chị Dương Thị X phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí anh, chị đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Ngô Văn D và chị Dương Thị X, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 08/2018/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 124, Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Buộc anh Ngô Văn D và chị Dương Thị X phải trả cho ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị N 02 cây vàng miếng SJC.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Ngô Văn D và chị Dương Thị X phải chịu 3.658.000đ (*ba triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn đồng*).

Trả lại cho ông Nguyễn Văn T 1.850.000đ (*Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông T đã nộp theo biên lai số 0000666 ngày 12-4-2018 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc anh Ngô Văn D và chị Dương Thị X phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp, theo biên lai số 0004597, ngày 26-11-2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- TAND Cấp cao tại TP.HCM
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- TAND huyện Tuy Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký và đóng dấu)

Phạm Thị Thông